

Quyết định tái thẩm

Số: 07/2022/KDTM-TT

Ngày 22/6/2022

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia xét xử gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bường, ông Lại Văn Trình, ông Vũ Thanh Liêm, ông Nguyễn Văn Tiến, ông Lê Phước Thanh, ông Nguyễn Văn Tào, ông Trương Minh Tuấn, ông Nguyễn Cường, ông Phạm Việt Cường, ông Đặng Kim Nhân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Mỹ Châu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa tái thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; địa chỉ: 25 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Lâm Quốc V- Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Thương mại TMCP Đầu tư và Phát triển G

(theo Quyết định ủy quyền số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam).

- **Bị đơn:** Bà Dương Thị B; địa chỉ: Thôn 1, xã Ia Yok, huyện I, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 07/03/2018 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam trình bày:

Ngày 20/10/2016, bà Dương Thị B ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2016/9082689/HDTD để vay số tiền là: 400.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh; lãi suất vay ban đầu: 10%/năm; lãi suất nợ quá hạn: Tối đa bằng 120% lãi suất cho vay của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; thời hạn vay 9 tháng.

Để bảo đảm cho khoản vay nói trên, bà Dương Thị B thế chấp tài sản là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32, diện tích 14.041,5 m², tại xã Ia Grăng, huyện I, tỉnh G theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 594208 do UBND huyện I, tỉnh G cấp ngày 12/09/2016 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/9082689/HĐBĐ ngày 19/10/2016. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Từ ngày vay đến kỳ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần mời bà Dương Thị B đến làm việc đề nghị thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng không đạt kết quả; bà B có biểu hiện chây ỳ, kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ và thiếu thiện chí trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay.

Xét thấy không còn khả năng tự thương lượng để giải quyết thu hồi nợ, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G buộc bà B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi vay hiện còn nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 02/7/2018 với số tiền: 449.177.777 đồng, trong đó: dư nợ gốc hiện tại: 400.000.000 đồng; nợ lãi vay hiện tại: 49.177.777 đồng (lãi tạm tính đến ngày 02/7/2018); lãi phát sinh đến thời điểm xử lý xong nợ vay.

Trong trường hợp bà B không thanh toán dứt điểm ngay toàn bộ số nợ gốc và lãi vay hiện còn nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại toàn bộ tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/9082689/HĐBĐ ngày 19 tháng 10 năm 2016 để thu hồi nợ.

- Bị đơn bà Dương Thị B trình bày:

Ngày 20/10/2016, bà có vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền là 400.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Lãi suất vay ban đầu: 10%/năm; lãi suất nợ quá hạn: Tối đa bằng 120% lãi suất cho vay của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thời hạn vay là 9 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 20/07/2017.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay nói trên, Bà thế chấp tài sản là thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32, diện tích 14.04 1,5m², tại xã Ia Grăng, huyện I, tỉnh G, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 594208 do UBND huyện I, tỉnh G cấp ngày 12/09/2016 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/90826 ngày 19/10/2016. Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi vay, Bà đã trả được 27.555.556 đồng tiền lãi, sau đó thì Bà có bầu và đau bệnh nhiều nên Bà vẫn chưa trả được tiền. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà B trả số tiền 449.177.777 đồng, trong đó có 400.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 02/7/2018 là 49.177.777 đồng, thì Bà hoàn toàn đồng ý. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên Bà đề nghị Ngân hàng cho bà được trả dần, cụ thể: Ngày 16/7/2018, bà B trả số tiền 25.000.000 đồng; ngày 01/8/2018, bà Bình trả số tiền 25.000.000 đồng; ngày 01/9/2018, bà B trả số tiền còn lại là 399.177.777 đồng.

-Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2018/QĐST-KDTM ngày 10/7/2018, Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G đã quyết định:

Bà Dương Thị B còn nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2016/9082689/HĐTD ngày 20/10/2016 là 449.177.777 đồng, trong đó

400.000.000 đồng tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 02/7/2018 là 49.177.777 đồng.

Về thời hạn và phương thức thanh toán: Bà Dương Thị B trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền 449.177.777 đồng thành nhiều lần cụ thể: ngày 16/7/2018, trả số tiền 25.000.000 đồng; ngày 01/8/2018, trả số tiền 25.000.000 đồng; ngày 01/9/2018, trả số tiền còn lại là 399.177.777 đồng.

Trường hợp đến ngày thỏa thuận mà bà Dương Thị B không trả toàn bộ số tiền nợ trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32, diện tích 14.041,5m², tại xã Ia Grăng, huyện Ii, tỉnh G, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 594208 do Ủy ban nhân dân huyện I, tỉnh G cấp ngày 12/09/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên phần lãi suất, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 23/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có Báo cáo số 03/BC-VKS-DS đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên.

- Tại Quyết định số 12/QĐ-VKS-KDTM ngày 14/01/2022, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2018/QĐST -KDTM ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện I; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử tái thẩm, hủy toàn bộ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2018/QĐST-KDTM ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện I để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa tái thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự số 175/KLĐT ngày 14/10/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gi thể hiện: khoảng tháng 6 năm 2016, Lê Xuân B thỏa thuận với Hoàng Công M làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không cho Dương Thị B và được Ủy ban nhân dân huyện I cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 594208 đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32 tại làng Orê, xã Ia Grăng, huyện I, tỉnh G; sau đó Dương Thị B đem Giấy chứng nhận trên thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để vay vốn.

[2] Tại Cơ quan điều tra, ông Lê Xuân B thừa nhận hành vi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không cho một số người trong đó có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD594208 của bà Dương Thị B; bà Dương Thị B cũng thừa nhận việc này.

[3] Tuy nhiên, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2018/QĐST-KDTM ngày 10/7//2018 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G lại công nhận cho Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 76, tờ bản đồ số 32, diện tích 14.041,5m², tại xã Ia Grăng, huyện I, tỉnh G, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD594208 ngày 12/09/2016 được cấp không để thu hồi nợ là không đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi gian dối của bà B trong việc sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp không thế chấp cho Ngân hàng đã bị Cơ quan điều tra khởi tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, làm thay đổi bản chất của vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng từ chỗ hợp đồng vay có tài sản thế chấp trở thành hợp đồng vay không có tài sản thế chấp. Đây là tình tiết mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án; do đó cần phải hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Khi giải quyết lại, Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ nếu có dấu hiệu sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp không để vay vốn Ngân hàng thì chuyển cho Cơ quan điều tra xử lý về hình sự.

[5] Quyết định kháng nghị số 12/QĐ-VKS-KDTM ngày 14/01/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ chấp nhận;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 356, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

1. Hủy toàn bộ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2018/QĐST-KDTM ngày 10/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G về vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với bị đơn là bà Dương Thị B; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật

2. Quyết định tái thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng tái thẩm ra quyết định.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND huyện I;
- Chi cục THADS huyện I;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng HCTP, GDKT II và HSVA.

Lê Tự

